

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ
KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN VIỆT NAM

Mã số: ĐH2017-TN08-06

Chủ nhiệm đề tài : TS. Nguyễn Thu Nga

Thái Nguyên, tháng 10/2018

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH

BÁO CÁO TÓM TẮT
ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ
KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN VIỆT NAM

Mã số: ĐH2017-TN08-06

Xác nhận của tổ chức chủ trì
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Chủ nhiệm đề tài
(Ký, họ tên)

TS. Nguyễn Thu Nga

Thái Nguyên, tháng 10/2018

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA VÀ ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

1. NHỮNG THÀNH VIÊN THAM GIA NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác và lĩnh vực chuyên môn	Vai trò
1	TS. Nguyễn Thu Nga	Khoa Ngân hàng TC, ĐH Kinh tế & QTKD	Chủ nhiệm đề tài
2	PGS.TS. Hoàng Thị Thu	Khoa Ngân hàng TC, ĐH Kinh tế & QTKD	Thành viên nghiên cứu
3	TS. Vũ Thị Hậu	Khoa Ngân hàng TC, ĐH Kinh tế & QTKD	Thành viên nghiên cứu
4	ThS. Bùi Thị Ngân	Khoa Ngân hàng TC, ĐH Kinh tế & QTKD	Thành viên nghiên cứu
5	ThS. Ngô Thị Thu Mai	Khoa Ngân hàng TC, ĐH Kinh tế & QTKD	Thành viên nghiên cứu
6	ThS. Hoàng Văn Dư	ĐH Kinh tế & QTKD	Thành viên nghiên cứu
7	ThS. Kiều Thị Khánh	Khoa Ngân hàng TC, ĐH Kinh tế & QTKD	Thành viên nghiên cứu
8	ThS. Nguyễn Thị Linh Trang	Khoa Ngân hàng TC, ĐH Kinh tế & QTKD	Thư ký đề tài

2. ĐƠN VỊ PHỐI HỢP CHÍNH

Tên đơn vị trong và ngoài nước	Họ và tên người đại diện đơn vị
Trường ĐH Kinh tế Quốc dân	PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Phương pháp nghiên cứu	3
5. Kết quả đạt được của đề tài	4
6. Kết cấu của đề tài.....	4
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG.....	5
1.1. Nghiên cứu ngoài nước	5
1.2. Nghiên cứu trong nước.....	5
1.3. Khoảng trống nghiên cứu	5
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG.....	5
2.1. Hiệu quả kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng	5
2.1.1. Hiệu quả kinh doanh ngân hàng.....	5
2.1.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng	5
2.1.2.1. Sự ảnh hưởng của cơ cấu sở hữu tới hiệu quả kinh doanh ngân hàng	5
2.1.2.2. Ảnh hưởng của quy mô ngân hàng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng	5
2.1.2.3. Ảnh hưởng của rủi ro đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng	5
2.1.2.4. Ảnh hưởng của năng lực tài chính đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng.....	5
2.1.2.5. Ảnh hưởng của năng lực quản trị, điều hành đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng	5
2.1.2.6. Ảnh hưởng của khả năng ứng dụng tiến bộ công nghệ đến hiệu quả kinh doanh NH..	5
2.1.2.7. Ảnh hưởng của trình độ, chất lượng của người lao động đến hiệu quả kinh doanh NH	5
2.1.2.8. Ảnh hưởng từ cơ chế chính sách của Nhà nước tới hiệu quả kinh doanh ngân hàng ...	5
2.2. Các phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của ngân hàng	5
2.2.1. Hiệu quả kinh doanh của ngân hàng theo cách tiếp cận truyền thống	5
2.2.2. Hiệu quả kinh doanh của ngân hàng theo cách tiếp cận hiện đại.....	5
2.2.2.1. Các cách tiếp cận trong xây dựng đường biên hiệu quả	5
2.2.2.2. Khái quát các cách tiếp cận về hoạt động kinh doanh ngân hàng.....	5
2.2.2.3. Đo lường hiệu quả kinh doanh ngân hàng	5
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	6

3.1. Câu hỏi nghiên cứu	6
3.2. Thiết kế nghiên cứu.....	6
3.3. Nguồn dữ liệu nghiên cứu	6
3.4. Phương pháp lựa chọn biến nghiên cứu	6
3.5. Phương pháp nghiên cứu	6
3.5.1. Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh NHTM.....	6
3.5.2. Mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng thương mại.....	6
CHƯƠNG 4: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM.....	6
4.1. Tổng quan hệ thống ngân hàng Việt Nam.....	6
4.2. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam: cách tiếp cận phi tham số (DEA) và tham số (SFA)	6
4.2.1. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng bằng phương pháp phi tham số (DEA).....	6
4.2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng theo hàm Cobb-Douglas tuyến tính	7
4.3. Kết quả ước lượng mô hình Tobit đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam	9
Bảng 4.7. Kết quả ước lượng mô hình Tobit phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam.....	9
CHƯƠNG 5: GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM	14
5.1. Định hướng đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam	14
5.1.1. Quan điểm và định hướng của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển NHTM Việt Nam	14
5.1.2. Định hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh của NHTM Việt Nam	14
5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các ngân hàng TMCP Việt Nam.....	14
5.2.1. Giải pháp từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	14
5.2.2. Giải pháp từ phía Ngân hàng thương mại	14
5.3. Kiến nghị về việc hỗ trợ các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam.....	14
5.3.1. Đối với Ngân hàng thương mại.....	14
5.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước	14
KẾT LUẬN	15

DANH MỤC BẢNG

Bảng 4.5. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng theo mô hình 1	7
Bảng 4.6. Kết quả tính toán hiệu quả kinh doanh ngân hàng theo mô hình 2.....	8
Bảng 4.7. Kết quả ước lượng mô hình Tobit phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam	9

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QTKD

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung

1. Tên đề tài: **Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam**
2. Mã số: **ĐH2017-TN08-06**
3. Chủ nhiệm đề tài: **TS. Nguyễn Thu Nga**
4. Thời gian thực hiện: **01/2017 - 12/2018**
5. Tổ chức chủ trì: **Trường ĐH Kinh tế & QTKD Thái Nguyên**

2. Mục tiêu nghiên cứu

*** Mục tiêu chung:**

Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp khác nhau để ước lượng hiệu quả kinh doanh ngân hàng TMCP Việt Nam, xem xét vai trò của các nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng. Để từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh của các ngân hàng TMCP Việt Nam.

*** Mục tiêu cụ thể:**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về việc đo lường hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại (NHTM), và mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các NHTM.
- Đánh giá thực trạng hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam, và làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam trong thời gian qua dựa trên cơ sở các mô hình phân tích định lượng.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh của các ngân hàng TMCP Việt Nam, góp phần phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành ngân hàng và làm cho nền tài chính quốc gia phát triển ổn định trong những năm tới.

3. Tính mới và sáng tạo

Đề tài tổng hợp, phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam và các nhân tố ảnh hưởng dựa trên các mô hình phân tích định lượng. Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng đã được đề cập trong một số nghiên cứu trước đây. Tuy nhiên, nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt trong giai đoạn 2009 - 2016 chưa có nhà nghiên cứu nào thực hiện trước đây (đây là giai đoạn Việt Nam “*Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015*”).

4. Kết quả nghiên cứu

Thông qua tổng quan và cơ sở lý luận về hiệu quả kinh doanh ngân hàng và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam, nghiên cứu đã tìm hiểu:

- Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về hiệu quả kinh doanh ngân hàng và các nhân tố ảnh hưởng để tìm ra khoảng trống nghiên cứu của đề tài.

- Giới thiệu một cách khái quát về hiệu quả kinh doanh, đo lường hiệu quả kinh doanh ngân hàng theo phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại, đưa ra mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng.

- Phân tích khái quát hệ thống ngân hàng Việt Nam làm tiền đề để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam giai đoạn 2009 - 2016, nghiên cứu cho thấy có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam như: SIZE, GOV, ETA, Y01-Y08. Các yếu tố này đều có tác động tích cực tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Còn LOANTA, NPL và LLR lại có tác động ngược chiều với hiệu quả kỹ thuật.

- Từ thực trạng nghiên cứu, kết hợp với mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam trong thời gian tới, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường vai trò của các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam như: (1) Các giải pháp từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước như tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật tạo hành lang pháp lý có hiệu lực; Nâng cao năng lực quản lý điều hành; Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ ngân hàng; Giảm thiểu những can thiệp bằng hành chính trong việc quản lý các ngân hàng thương mại; Chứng khoán hóa nợ xấu; Phát triển thị trường mua bán nợ,.....và đây thực sự là nhóm giải pháp mang tính chất tiền đề bảo đảm cho các ngân hàng thực hiện thành công nhóm giải pháp từ nội bộ của chính các ngân hàng TMCP (2) Nhóm giải pháp từ phía các ngân hàng thương mại như nâng cao năng lực tài chính; Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng; Xây dựng chiến lược khách hàng; Nâng cao năng lực quản trị điều hành; Nâng cao chất lượng lao động; Hoàn thiện phương pháp đánh giá hiệu quả ngân hàng; Tăng cường xử lý nợ xấu.

5. Sản phẩm

5.1. Sản phẩm khoa học

1) Đinh Hồng Linh, Nguyễn Thu Nga, Nguyễn Thu Hằng (2018), “Sử dụng hàm Loga siêu việt để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ - ĐH Thái Nguyên*, 183(07), tr. 239 - 244.

2) Nguyễn Hữu Tài, Nguyễn Thu Nga (2017), “Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng từ cách tiếp cận phi tham số”, *Tạp chí Ngân hàng*, (17), tr. 13-21.

3) Nguyễn Hữu Tài, Nguyễn Thu Nga (2017), “Tăng cường quản trị rủi ro tín dụng theo chuẩn mực Basel 2 nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của các NHTM Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: "Áp dụng Basel 2 trong quản trị rủi ro của các NHTM Việt Nam: Cơ hội, thách thức và lộ trình thực hiện"*, chỉ số ISBN 978-604-646-297-9, tr. 227-244.

5.2. Sản phẩm đào tạo

1) Một phần nội dung trong luận án tiến sĩ: Nguyễn Thu Nga (2017), *Phân tích mối quan hệ giữa rủi ro tín dụng với hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân.

2) Hoàn thành hướng dẫn 02 học viên cao học làm Luận văn Thạc sỹ:

- Nguyễn Thị Huệ - Lớp QTKD K12B, GVHD: PGS.TS Hoàng Thị Thu (2016), *Nâng cao năng lực tài chính của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên*. Học viên đã bảo vệ thành công luận văn tháng 12/2017 theo QĐ số 1146/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT, ngày 27/11/2017.

- Cao Xuân Hòa - Lớp QTKD K12A, GVHD: TS Vũ Thị Hậu (2017), *Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn*. Học viên đã bảo vệ thành công luận văn tháng 01/2018 theo QĐ số 04/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT, ngày 04/01/2018.

5.3. Sản phẩm ứng dụng

Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài: *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam*.

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

6.1. Phương thức chuyển giao

Các sản phẩm liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (sản phẩm về bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín, sản phẩm Luận văn Thạc sỹ của Học viên Cao học đã bảo vệ thành công, được công bố rộng rãi) và báo cáo tổng kết của đề tài đã được cập nhật trên trang qlkh.tnu.edu.vn của Đại học Thái Nguyên. Đây đều là những kênh thông tin giúp cho người đọc dễ dàng tiếp cận

6.2. Địa chỉ ứng dụng

- Các Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam;
- Các trường đại học, Học viện, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp đào tạo về kinh tế và Tài chính ngân hàng;

- Tài liệu tham khảo cho sinh viên các chuyên ngành Quản trị, Kế toán, Tài chính NH

6.3. Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

- ***Giáo dục, đào tạo:*** Kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên và giảng viên trong trường ĐH Kinh tế & QTKD về các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam.

- ***Kinh tế, xã hội:*** Giúp các các ngân hàng TMCP Việt Nam nhận thấy những hạn chế của hiệu quả hệ thống ngân hàng thông qua các nhân tố ảnh hưởng. Từ đó, tăng cường kịp thời các chính sách nâng cao hiệu quả hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam.

Tổ chức chủ trì

Ngày tháng năm

Chủ nhiệm đề tài

TS. Nguyễn Thu Nga

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS**1. General information**

- Project title: *Analyzing the factors affecting the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks*
- Code number: ĐH2017-TN08-06
- Coordinator: Dr. NGUYEN THU NGA
- Duration: From January – 2017 to December – 2018
- Implementing institution: Thai Nguyen University of Economics and Business

Administration

2. Objectives

* Overall objectives:

This study uses different methods to estimate the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks. The study examines the role of factors affecting the banking efficiency to propose several solutions to enhance efficiency and the competitiveness of Vietnamese joint stock commercial banks. This result will contribute to the development of the banking sector and the stable development of the financial system in the coming years.

* Specific objectives

- To systematize the basics of measuring the efficiency of commercial banks and the analysis model of factors affecting the efficiency of commercial banks.

- To analyze and evaluate the actual situation of efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks and the factors affecting the efficiency of Vietnam joint stock commercial banks during the research period based on the quantitative analysis models.

- To propose several methods to enhance the efficiency and the competitiveness of Vietnamese joint stock commercial banks. These methods will contribute to the development objectives of the banking sector and the stable development of the national financial system in the next years.

3. Creativeness and innovativeness

The research synthesizes, analyzes and evaluates the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks and influencing factors by using quantitative analysis models. Many previous studies have been mentioned the factors that affect the efficiency of commercial banks. However, there is no study on the factors affecting the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks including the effect of credit risk in the period 2009 - 2016 has not been conducted.

4. Research results

Based on the theoretical background of the banking efficiency and the factors affecting the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks, the study has solved some specific issues as follows:

- Review several previous domestic and foreign studies on banking efficiency and influencing factors to find out research gaps.

- Generally introduce efficiency, traditional and modern methods of measuring efficiency, and suggest factors that affect banking efficiency.

- Overview the banking system in Vietnam to analyze the factors affecting the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks in the period of 2009 - 2016. The study shows that there are many factors affecting the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks such as age, size, and ownership structure of the bank. These factors have positive impacts on the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks. Furthermore, credit risk is an inefficient element of the bank, causing a commercial bank to move away from the effective boundary. The efficiency of the bank declines sharply when credit risk variable is added into the econometric model. The parametric analysis results show that when credit risk increases by 1%, the bank output falls by 0.586%.

The study also proposes several solutions to enhance the role of factors affecting the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks such as:

(1) *Solutions from the Government and the State Bank of Vietnam*: Continue to improve the legal system to create effective legal corridors; Improve management capacity; Develop strategies for banking technology development; Minimize administrative interventions in the management of commercial banks; Bad debt securitization; Develop the debt trading market... This is a group of solutions that are prerequisite to ensure that banks successfully implement their internal solutions.

(2) *Solutions from commercial banks*: Improve financial capacity; Modernize banking technology; Develop retail and customer networks; Enhance executive management capacity; Improve the quality of banking labor; Complete the banking efficiency assessment method; Enhance handling bad debt...

5. Products

5.1. Scientific products

1) Dinh Hong Linh, Nguyen Thu Nga, Nguyen Thu Hang (2018), "Using the transcendent Loga Function to evaluate the efficiency of Vietnamese banks," *Journal of Science and Technology of TNU*, 183(07), pp. 239 - 244

2) Nguyen Huu Tai, Nguyen Thu Nga (2017), "The Impact of Credit Risk on banking efficiency from the non-parametric approach," *Banking Review*, (17), pp. 13-21.

3) Nguyen Huu Tai, Nguyen Thu Nga (2017), "Strengthening credit risk management under Basel 2 standards to enhance the efficiency of Vietnamese commercial banks" *Proceedings of the National Conference on "Applying Basel 2 in risk management of Vietnamese commercial banks: Opportunities, Challenges and Roadmap"*, ISBN 978-604-646-297-9, pp. 227-244.

5.2. Training products

1) Part of the content of the doctoral thesis: Nguyen Thu Nga (2017), *An Analysis of the relationship between credit risk and efficiency in Vietnamese joint stock commercial banks*,

Ph.D. thesis, National Economics University.

2) Guide 02 master students to complete their thesis:

- Nguyen Thi Hue - Class QTKD K12B, Instructor: Assoc. prof. dr. Hoang Thi Thu (2016), *Improving the financial capacity of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Thai Nguyen Branch*. The student successfully defended the dissertation in December 2017 according to Decision No. 1146 / QD-DHKT & QTKD-DT, 27/11/2017.

- Cao Xuan Hoa – Class QTKD K12A, Instructor: Dr. Vu Thi Hau (2017), *Solutions to improve business efficiency at Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development – Bac Kan Branch*. The student successfully defended the dissertation in January 2018 according to Decision No. 04 / QD-DHKT & QTKD- DT, 04/01/2018.

5.3. Application products

Final Report and summary report of research results of the project: *Analyzing the factors affecting efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks*

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results

6.1. Transfer alternatives

Products related to the field of research (article articles published in reputable journals, scientific research products of students have been tested and announced) and the information were updated on the website qlkh.tnu.edu.vn of Thai Nguyen University. These channels are easy for people to access.

6.2. Application institutions

- The State Bank of Vietnam, Vietnamese joint stock commercial banks;
- Universities, Academies, Colleges, and Vocational training schools in economics, banking, and finance;
- Reference for students in the fields of Management, Accounting, Finance and, Banking.

6.3. Impacts and benefits of research results

- ***Education and training***: The study is a useful reference for students and lecturers at Thai Nguyen University of Economics and Business Administration with specialization related to the factors affecting the efficiency of Vietnamese joint stock commercial banks.

- ***Socio-economic***: The study supports Vietnamese joint stock commercial banks in deeply understanding the limitations of the banking system's efficiency through evaluating influencing factors to adopt suitable policies to improve their efficiency.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Sau gần một thập kỷ kể từ khi gia nhập WTO, các NHTM Việt Nam đã bộc lộ nhiều yếu kém như: năng lực tài chính thấp, sức cạnh tranh chưa cao, năng lực quản trị và công nghệ yếu, cải cách diễn ra chậm và thiếu tính minh bạch, không đủ sức cạnh tranh với ngân hàng ngoại. Trước tình hình đó, Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã chủ trương tái cơ cấu bộ máy NHTM, minh chứng là sự ra đời của Quyết định 254/QĐ-TTg ngày 01/03/2012 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt đề án “Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015” và Quyết định số 734/QĐ-NHNN ngày 18/4/2012 của Thống đốc NHNN phê duyệt Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015. Sự cạnh tranh gia tăng mạnh mẽ trong hệ thống ngân hàng Việt Nam những năm gần đây đã và đang đặt ra yêu cầu cần phải đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng. Việc đánh giá này không chỉ cần thiết đối với các nhà quản lý mà còn cả khách hàng - những người kỳ vọng lợi nhuận cao.

Với mục tiêu làm tăng hiệu quả kinh doanh của các trung gian tài chính bằng việc đẩy mạnh khả năng cạnh tranh giữa các ngân hàng, tháo bỏ các rào cản về thị trường, lãi suất, tỷ giá hối đoái...đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục cải cách sâu rộng, toàn diện hơn nữa nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của cả hệ thống ngân hàng. Đây thực sự là vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn nữa.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc cần phải đẩy mạnh khả năng cạnh tranh và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại thời kỳ hội nhập. Trong thời gian qua đã có một số tác giả trong nước quan tâm nghiên cứu về vấn đề này như: Nguyễn Việt Hùng (2008), Liễu Thu Trúc và Nguyễn Thành Danh (2012), Nguyễn Thị Hồng Vinh (2014), Nguyễn Minh Sáng (2013), Lê Phan Thị Diệu Thảo và Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh (2013), Nguyễn Thị Mỹ Linh, Nguyễn Thị Ngọc Hương (2015), Nguyễn Thu Nga (2017). Tuy nhiên, mới được tiến hành để đánh giá hiệu quả kinh doanh của ngân hàng. Các nghiên cứu này hầu hết mới sử dụng một phương pháp trong đánh giá hiệu quả ngân hàng, việc sử dụng hai phương pháp còn hạn chế. Các nghiên cứu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng chưa được thực hiện nhiều, nếu có thì vai trò của rủi ro tín dụng còn chưa được thể hiện như là một biến chính (biến đầu vào) tác động đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Các nghiên cứu nước ngoài về đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng cũng được đề cập rất nhiều, nhưng chủ yếu chỉ sử dụng một phương pháp DEA hoặc SFA, nghiên cứu sử dụng cả hai phương pháp còn hạn chế. Nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến các độ đo hiệu quả kinh doanh còn chưa nhiều, gần đây có một số các nghiên cứu về vấn đề này như:

Xiaoqing Fu và Shelagh Hefferman (2005), Ji-Li Hu, Chiang-Ping Chen và Yi-Yuan Su (2006), Donsyah Yudistira (2003), Tser-yieth Chen (2005), Chang và Chiu (2006), Sehrish Gul, Faiza Irshad, Khalid Zaman (2011), Samangi Bandaranayake, Prabhath Jayasinghe (2013), Nsambu Kijjambu Frederick (2015).

Các nghiên cứu đã thực hiện trong nhiều bối cảnh khác nhau và trong một khoảng thời gian dài. Chính vì vậy, các phương pháp nghiên cứu được hoàn thiện và kết quả nghiên cứu mang lại nhiều phát hiện có giá trị. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã tiến hành còn chưa đồng nhất trong việc lựa chọn các cách tiếp cận hoạt động ngân hàng (trung gian tài chính, lợi nhuận, hay giá trị tăng thêm,...). Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh tham số và phi tham số cũng được sử dụng đa dạng. Ngoài ra, những biến số được sử dụng trong mô hình hồi quy phân tích ảnh hưởng của các nhân tố đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng trong các nghiên cứu này cũng khác nhau theo quan điểm của từng nhà nghiên cứu. Chính vì vậy, kết quả không đồng nhất trong từng nghiên cứu.

Như vậy, qua phân tích ở trên có thể nói, hiện nay việc xem xét một cách tổng thể và xác định những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam là hết sức quan trọng và có giá trị. Bởi vì, nó sẽ hỗ trợ cho các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản trị ngân hàng và các nhà đầu tư trong việc ra quyết định. Qua đó, cũng là cơ sở để hoàn thiện được một khung chính sách hợp lý trong quá trình quản lý hoạt động của các ngân hàng ở Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Xuất phát từ những đòi hỏi mang tính thực tiễn và nhu cầu bức thiết ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập khu vực và toàn cầu hoá, xu thế phát triển của nền kinh tế có sự quản lý của chính phủ một cách gián tiếp thông qua các chính sách kinh tế, với mong muốn bổ sung thêm những hiểu biết và ứng dụng đối với việc đưa ra chính sách quản lý hệ thống ngân hàng ở Việt Nam, tôi đã lựa chọn đề tài: “***Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam***”. Đề tài nghiên cứu tự nó đã hàm chứa ý nghĩa khoa học và thực tiễn to lớn đối với Việt Nam

2. Mục tiêu nghiên cứu

*** Mục tiêu chung:**

Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp khác nhau để ước lượng hiệu quả kinh doanh ngân hàng TMCP Việt Nam, xem xét vai trò của các nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng. Đề từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh của các ngân hàng TMCP Việt Nam.

*** Mục tiêu cụ thể:**

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về việc đo lường hiệu quả kinh doanh của ngân hàng thương mại (NHTM), và mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh

của các NHTM.

- Đánh giá thực trạng hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam, và làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam trong thời gian qua dựa trên cơ sở các mô hình phân tích định lượng.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tăng khả năng cạnh tranh của các ngân hàng TMCP Việt Nam, góp phần phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành ngân hàng và làm cho nền tài chính quốc gia phát triển ổn định trong những năm tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

* **Đối tượng nghiên cứu:** hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP trong đó hiệu quả kinh doanh là *hiệu quả kỹ thuật* được ước lượng từ các phương pháp khác nhau và phân tích định lượng các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả này của các ngân hàng TMCP Việt Nam.

* **Phạm vi nghiên cứu:**

- *Về không gian:* Nghiên cứu không chỉ tập trung vào một vài ngân hàng thương mại nhà nước như ở các nghiên cứu trước đây, phạm vi nghiên cứu của đề tài được mở rộng phân tích cho các ngân hàng TMCP Việt Nam, đây là các ngân hàng có vốn sở hữu Nhà nước, các ngân hàng tư nhân và không bao gồm các ngân hàng thương mại nước ngoài. Nếu phân chia theo cơ cấu sở hữu, các ngân hàng trong mẫu nghiên cứu được chia thành hai nhóm NHTMCP không có sở hữu Nhà nước và các NHTMCP NN chiếm cổ phần đáng kể. Tuy nhiên, các ngân hàng này đều được đồng thời đưa vào mô hình để xác định đường biên hiệu quả cho tất cả các ngân hàng.

- *Về thời gian* là 8 năm từ 2009 đến 2016.

Tác giả lựa chọn phạm vi nghiên cứu này vì đây là thời kỳ hệ thống ngân hàng Việt Nam trải qua 3 giai đoạn phục hồi, suy giảm, tăng trưởng, đặc biệt là việc thực hiện đề án 254 “*Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015*”. Hơn nữa, nguồn số liệu của thời kỳ nghiên cứu này bảo đảm tính đồng bộ hơn, đầy đủ hơn, có độ tin cậy cao hơn, và phản ánh tốt việc đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam.

- *Về nội dung:* Đề tài tập trung đi sâu nghiên cứu các nội dung đo lường hiệu quả kinh doanh (hiệu quả kỹ thuật), xem xét vai trò của các nhân tố có ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng TMCP Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng hai phương pháp chính là phương pháp định tính và định lượng.

- Phương pháp định tính: thống kê mô tả, so sánh, phân tích.

- Phương pháp định lượng: chủ yếu sử dụng các mô hình khác nhau thiết kế cho phương pháp tham số và phi tham số để đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng. Ngoài ra,

đề tài còn sử dụng phân tích hồi quy Tobit và thông qua hàm hồi quy nhằm ước lượng mối quan hệ giữa các biến nghiên cứu khác nhau.

5. Kết quả đạt được của đề tài

- Hình thành cơ sở lý luận, hoàn thiện phương pháp nghiên cứu, các mô hình đánh giá hiệu quả (mô hình biên ngẫu nhiên –SFA và mô hình bao dữ liệu –DEA) trên cơ sở đó đưa ra cách tiếp cận phù hợp cho Việt Nam trong việc đánh giá hiệu quả kinh doanh và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

- Phân tích thực trạng và đánh giá hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam dựa trên phương pháp phân tích định tính và định lượng như phân tích biên ngẫu nhiên (SFA) hay phương pháp phân tích tham số, phương pháp phân tích phi tham số (DEA) và mô hình kinh tế lượng (Tobit) để thấy được những mặt yếu kém, khiếm khuyết trong điều hành, quản lý và quản trị ngân hàng thương mại ở Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện khung chính sách trong việc quản lý và điều hành hệ thống ngân hàng TMCP Việt Nam ở cả khía cạnh vĩ mô (cơ quan quản lý) và góc độ vi mô (quản trị ngân hàng) nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả và cải thiện năng lực cạnh tranh cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài lời mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo đề tài bao gồm 5 chương:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu về hiệu quả kinh doanh ngân hàng và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng

Chương 2. Cơ sở lý luận về hiệu quả kinh doanh ngân hàng và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng

Chương 3. Phương pháp nghiên cứu

Chương 4. Kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam

Chương 5. Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG

- 1.1. Nghiên cứu ngoài nước
- 1.2. Nghiên cứu trong nước
- 1.3. Khoảng trống nghiên cứu

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ HIỆU QUẢ KINH DOANH VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG

- 2.1. Hiệu quả kinh doanh và các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng
 - 2.1.1. *Hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
 - 2.1.2. *Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng*
 - 2.1.2.1. *Sự ảnh hưởng của cơ cấu sở hữu tới hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
 - 2.1.2.2. *Ảnh hưởng của quy mô ngân hàng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
 - 2.1.2.3. *Ảnh hưởng của rủi ro đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
 - 2.1.2.4. *Ảnh hưởng của năng lực tài chính đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
 - 2.1.2.5. *Ảnh hưởng của năng lực quản trị, điều hành đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
 - 2.1.2.6. *Ảnh hưởng của khả năng ứng dụng tiến bộ công nghệ đến hiệu quả kinh doanh NH*
 - 2.1.2.7. *Ảnh hưởng của trình độ, chất lượng của người lao động đến hiệu quả kinh doanh NH*
 - 2.1.2.8. *Ảnh hưởng từ cơ chế chính sách của Nhà nước tới hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
- 2.2. **Các phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh của ngân hàng**
 - 2.2.1. *Hiệu quả kinh doanh của ngân hàng theo cách tiếp cận truyền thống*
 - Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời
 - Nhóm chỉ tiêu phản ánh thu nhập, chi phí
 - Nhóm chỉ tiêu phản ánh rủi ro tài chính
 - 2.2.2. *Hiệu quả kinh doanh của ngân hàng theo cách tiếp cận hiện đại*
 - 2.2.2.1. *Các cách tiếp cận trong xây dựng đường biên hiệu quả*
 - a. Cách tiếp cận hướng về đầu vào
 - b. Cách tiếp cận hướng về đầu ra
 - 2.2.2.2. *Khái quát các cách tiếp cận về hoạt động kinh doanh ngân hàng*
 - 2.2.2.3. *Đo lường hiệu quả kinh doanh ngân hàng*
 - A. Phương pháp phi tham số
 - B. Phương pháp tham số

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Câu hỏi nghiên cứu

3.2. Thiết kế nghiên cứu

3.3. Nguồn dữ liệu nghiên cứu

3.4. Phương pháp lựa chọn biến nghiên cứu

3.5. Phương pháp nghiên cứu

3.5.1. Phương pháp đánh giá hiệu quả kinh doanh NHTM

3.5.2. Mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh ngân hàng thương mại

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ KINH DOANH NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM

4.1. Tổng quan hệ thống ngân hàng Việt Nam

4.2. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam: cách tiếp cận phi tham số (DEA) và tham số (SFA)

4.2.1. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng bằng phương pháp phi tham số (DEA)

Mô hình 1 được xây dựng nhằm đánh giá hiệu quả ngân hàng, bao gồm 2 biến đầu ra (Q_1 là số tiền cho các khách hàng cá nhân và tổ chức vay, Q_2 gồm số tiền cho các tổ chức tín dụng khác vay, chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh) và 4 biến đầu vào (Tài sản cố định - X_1 , Tiền gửi của khách hàng - X_2 , Lao động - X_3 và Rủi ro tín dụng - X_4) với giả thiết hiệu quả thay đổi theo quy mô, nghĩa là, lượng đầu ra có thể tăng hoặc giảm khi thay đổi lượng đầu vào sử dụng.

Kết quả tại bảng 4.5 cho thấy, có 6 ngân hàng có hiệu quả cao nhất so với các ngân hàng còn lại trong mẫu, 12/30 ngân hàng có mức hiệu quả trên 90% và Ngân hàng TMCP An Bình (ABB) có mức hiệu quả thấp nhất trong mẫu dù mức hiệu quả tính toán được vẫn lớn hơn 70%.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương (SGB), Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB), Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) và Ngân hàng TMCP Nam Á (NAB) có sự cải thiện về hiệu quả tốt nhất so với các ngân hàng trong mẫu khi mức hiệu quả đều ở mức 100% trong những năm cuối của giai đoạn. Trong khi đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) và Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) có sự sụt giảm về hiệu quả từ mức cao trong những năm đầu giai đoạn. Một số ngân hàng như Ngân hàng TMCP Quân đội (MBB) và

Ngân hàng TMCP Việt Á (VAB) là các ngân hàng có sự biến động hiệu quả kinh doanh lúc tăng, lúc giảm trong cả giai đoạn.

Bảng 4.5. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng theo mô hình 1

STT	Ngân hàng	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Bình quân
1	SEAB	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
2	NASB	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
3	BID	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
4	MSB	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
5	TPB	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
6	VCB	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000
7	CTG	1,000	0,984	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	0,998
8	VIB	0,798	1,000	1,000	1,000	0,961	0,907	1,000	1,000	0,960
9	GDB	1,000	1,000	1,000	1,000	0,972	0,863	0,912	0,922	0,959
10	PVF	1,000	1,000	1,000	1,000	0,999	0,945	0,847	0,857	0,956
11	PGB	1,000	0,806	0,927	0,923	0,939	1,000	1,000	1,000	0,951
12	VAB	0,777	1,000	0,788	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	0,947
13	TCB	0,796	0,821	1,000	0,994	1,000	0,918	0,968	0,978	0,934
14	ACB	1,000	1,000	1,000	1,000	0,866	0,783	0,873	0,883	0,926
15	EIB	0,691	0,853	0,977	1,000	0,976	1,000	0,925	0,935	0,920
16	VTTB	0,744	0,779	0,810	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	0,918
17	KLB	1,000	1,000	0,824	0,820	0,941	0,926	0,890	0,900	0,913
18	LVB	0,822	1,000	1,000	0,988	0,806	0,786	0,924	0,934	0,908
19	MBB	0,719	1,000	0,880	0,794	1,000	0,953	0,943	0,900	0,899
20	HDB	0,746	0,826	0,928	0,782	0,992	1,000	1,000	0,910	0,898
21	VPB	0,613	0,723	0,922	1,000	1,000	1,000	1,000	0,920	0,897
22	NVB	0,766	0,937	1,000	1,000	1,000	0,806	0,773	0,850	0,892
23	SGB	0,565	0,856	0,612	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	0,880
24	SCB	0,644	0,719	0,618	1,000	1,000	1,000	1,000	1,000	0,874
25	OCB	0,693	0,993	0,761	0,847	0,885	0,936	0,933	0,943	0,874
26	STB	1,000	0,858	0,802	0,841	0,861	0,802	0,897	0,907	0,871
27	NAB	0,602	0,771	0,690	0,810	1,000	1,000	0,984	0,994	0,856
28	SHB	0,671	0,749	0,656	0,879	0,824	0,977	0,970	0,980	0,838
29	EAB	0,783	0,955	0,775	0,752	0,891	0,821	0,802	0,812	0,824
30	ABB	0,343	0,724	0,567	0,686	0,844	0,946	0,968	0,978	0,757

Nguồn: Kết quả phân tích trên DEAP 2.1.

4.2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả kinh doanh ngân hàng theo hàm Cobb-Douglas tuyến tính

Bằng sự hỗ trợ của phần mềm FRONTIER 4.1, hiệu quả của mỗi ngân hàng thương mại được tính toán trong 8 năm được thể hiện trong bảng 4.6. Trong mô hình này, các biến

đầu ra và đầu vào trong hàm Cobb-Douglas tuyến tính bao gồm: 2 biến đầu ra (Q_1 là số tiền cho các khách hàng cá nhân và tổ chức vay, Q_2 gồm số tiền cho các tổ chức tín dụng khác vay, chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh) và 4 biến đầu vào (Tài sản cố định - X_1 , Tiền gửi của khách hàng - X_2 , Lao động - X_3 và Rủi ro tín dụng - X_4). Hiệu quả của các ngân hàng được sắp xếp theo chiều giảm dần để dễ dàng phân loại được các nhóm ngân hàng có mức độ hiệu quả khác nhau.

Theo kết quả tính toán trên bảng 4.6, hai ngân hàng có hiệu quả gần 98% đó là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID), Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVF). Các ngân hàng có mức độ hiệu quả thấp bao gồm 6 ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á (NAB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (SEAB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải (MSB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt (LVB) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (VTTB).

Bảng 4.6. Kết quả tính toán hiệu quả kinh doanh ngân hàng theo mô hình 2

STT	Ngân hàng	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Bình quân
1	BID	0,973	0,974	0,975	0,975	0,976	0,977	0,977	0,987	0,977
2	PVF	0,971	0,971	0,972	0,973	0,974	0,974	0,975	0,985	0,974
3	CTG	0,874	0,878	0,881	0,884	0,887	0,890	0,893	0,903	0,886
4	VCB	0,863	0,867	0,870	0,874	0,877	0,880	0,884	0,894	0,876
5	NASB	0,851	0,854	0,858	0,862	0,865	0,869	0,872	0,882	0,864
6	STB	0,816	0,821	0,825	0,830	0,834	0,838	0,842	0,852	0,832
7	ACB	0,794	0,799	0,804	0,809	0,813	0,818	0,823	0,833	0,812
8	EAB	0,787	0,793	0,798	0,803	0,808	0,813	0,817	0,827	0,806
9	VIB	0,785	0,790	0,795	0,800	0,805	0,810	0,815	0,825	0,803
10	EIB	0,785	0,790	0,795	0,800	0,805	0,810	0,815	0,825	0,803
11	OCB	0,761	0,767	0,773	0,779	0,784	0,789	0,795	0,805	0,782
12	SCB	0,754	0,760	0,766	0,772	0,778	0,783	0,788	0,798	0,775
13	VPB	0,752	0,758	0,764	0,770	0,776	0,781	0,787	0,797	0,773
14	VAB	0,744	0,750	0,756	0,762	0,768	0,773	0,779	0,789	0,765
15	TCB	0,742	0,748	0,754	0,760	0,766	0,772	0,777	0,787	0,763
16	MBB	0,742	0,748	0,754	0,760	0,766	0,772	0,777	0,787	0,763
17	SGB	0,734	0,740	0,747	0,753	0,759	0,765	0,770	0,78	0,756
18	PGB	0,730	0,737	0,743	0,749	0,755	0,761	0,767	0,777	0,752

STT	Ngân hàng	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Bình quân
19	KLB	0,729	0,736	0,742	0,748	0,754	0,760	0,766	0,776	0,751
20	NVB	0,728	0,735	0,741	0,747	0,753	0,759	0,765	0,775	0,750
21	HDB	0,710	0,717	0,724	0,730	0,737	0,743	0,749	0,759	0,734
22	SHB	0,710	0,716	0,723	0,730	0,736	0,743	0,749	0,759	0,733
23	ABB	0,709	0,716	0,723	0,729	0,736	0,742	0,748	0,758	0,733
24	GDB	0,697	0,704	0,711	0,718	0,725	0,731	0,738	0,748	0,722
25	VTTB	0,679	0,686	0,693	0,701	0,708	0,714	0,721	0,68	0,698
26	NAB	0,670	0,677	0,685	0,692	0,699	0,706	0,713	0,723	0,696
27	SEAB	0,664	0,672	0,679	0,687	0,694	0,701	0,708	0,718	0,690
28	MSB	0,642	0,650	0,657	0,665	0,673	0,680	0,688	0,698	0,669
29	LVB	0,614	0,622	0,631	0,639	0,647	0,655	0,663	0,673	0,643
30	TPB	0,588	0,596	0,605	0,614	0,622	0,630	0,638	0,648	0,618

Nguồn: Kết quả phân tích trên FRONTIER 4.1.

4.3. Kết quả ước lượng mô hình Tobit đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam

Phần này tập trung vào phân tích những nhân tố có khả năng tác động tới hiệu quả kinh doanh toàn bộ ước lượng được từ phần trên của 30 ngân hàng trong mẫu nghiên cứu. Với đặc trưng của cấu trúc dữ liệu là bị cắt cụt, do đó mô hình phù hợp được lựa chọn sử dụng ở đây là mô hình hồi quy Tobit với dữ liệu hỗn hợp gồm 240 quan sát trong 8 năm từ 2009-2016.

Các hệ số trong mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng ước lượng được bằng hồi quy Tobit (mô hình đã được trình bày trong chương 1, 2) được trình bày ở bảng 4.7.

Bảng 4.7. Kết quả ước lượng mô hình Tobit phân tích các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam

Các biến	Hệ số	Sai số chuẩn	z	P> z
SIZE	0,131623	0,056536	2,328105	0,0199
GOV	0,399105	0,049028	8,140378	0,0000
NPL	-0,2832	0,1526	-1,7925	0,0695
ETA	0,0905	0,0379	2,5300	0,0145
LOANTA	-0,1354	0,0225	-5,8300	0,0000
LLR	-0,0996	0,030	-3,257	0,0011

Y02	0,0350	0,0065	5,3500	0,0000
Y03	0,0514	0,0075	7,2500	0,0000
Y04	0,0750	0,0079	10,1500	0,0000
Y05	0,0905	0,0082	11,2700	0,0000
Y06	0,1050	0,0090	12,3500	0,0000
Y07	0,1200	0,0120	13,5050	0,0000
Y08	0,1350	0,0250	15,4200	0,0000
TRAD	-0,0558	0,0335	-1,8700	0,0450
_CONS	0,3890	0,0690	5,7250	0,0000

Nguồn: Kết quả phân tích trên Eviews 8.0

Bảng 4.7 cho thấy, biến quy mô SIZE, GOV có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95% và đúng với dấu được kỳ vọng là dương hay quy mô tài sản của ngân hàng có tác động cùng chiều đối với hiệu quả ngân hàng khi các hệ số tương quan ứng với từng biến độc lập đều lớn hơn 0. Cụ thể là, quy mô tài sản của ngân hàng càng tăng thì hiệu quả càng tăng. Tuy nhiên, dù có mối quan hệ dương giữa SIZE và hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng, nhưng hệ số này ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật không lớn, như vậy một số ngân hàng cần cân nhắc kỹ trước khi quyết định tăng vốn để mở rộng quy mô hoạt động hiện tại của mình bởi vì theo thực tế thì có khá nhiều các ngân hàng TMCP Việt Nam hiện nay đang đối mặt với xu hướng hiệu suất giảm theo quy mô (đặc biệt là đối với các ngân hàng thương mại có tổng tài sản lớn như các NHTM nhà nước, nghĩa là nếu các ngân hàng này tăng vốn quá nhiều có thể làm hiệu quả toàn bộ giảm. Để tránh những tác động của quy luật này các ngân hàng TMCP Việt Nam nên đầu tư phát triển theo chiều sâu và cung cấp các loại hình dịch vụ ngân hàng mới, trong đó các dịch vụ này cần phải dựa trên nền tảng tiến bộ công nghệ ngân hàng có vậy các ngân hàng TMCP Việt Nam mới có thể nâng cao năng suất các yếu tố đầu vào.

Bên cạnh đó, hoạt động của các ngân hàng thương mại nhà nước có ảnh hưởng đến hiệu quả kỹ thuật của ngành lớn hơn là các loại hình ngân hàng còn lại (ngân hàng càng có vốn sở hữu nhà nước trong cơ cấu vốn của mình thì hiệu quả ngân hàng càng cao). Như vậy, có thể thấy hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước vẫn là "cái đệm" cho cả hệ thống ngân hàng thương mại của Việt Nam, tuy nhiên so với hiệu quả của các loại hình ngân hàng còn lại thì những năm gần đây hiệu quả của các ngân hàng thương mại nhà nước có xu hướng giảm. Chính những kết quả này cho ta những gợi ý về mặt chính sách đó là để khối ngân hàng nhà nước là "cái đệm" vững chắc cho sự phát triển cho hệ thống tài chính của Việt Nam, trong thời gian tới đòi hỏi các ngân hàng thương mại nhà nước cần đổi mới một cách toàn diện và mạnh mẽ hơn từ cấu trúc ngân hàng thông qua việc thực hiện cổ phần hóa, cách thức quản trị điều hành, chiến lược và định hướng phát triển thị trường, cung cấp các dịch vụ mới... đến

việc nâng cao trình độ nhân viên, tăng cường công tác đào tạo và tuyển dụng nhân lực có như vậy mới có thể nâng cao hiệu quả kinh doanh tăng khả năng cạnh tranh. Trong hai biến này, biến sở hữu Nhà nước (GOV) là biến có tác động lớn nhất đến hiệu quả của ngân hàng.

Biến cho vay so với tổng tài sản có (LOANTA) có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95% và có tác động ngược chiều với hiệu quả kỹ thuật, kết quả này cho thấy không phải ngân hàng cho vay càng nhiều thì lại hiệu quả càng cao. Bởi vì, số lượng tín dụng tăng thì rủi ro tín dụng cũng gia tăng. Đặc biệt là các khoản vay trung dài hạn thường tiềm ẩn mức độ rủi ro cao, do các món vay này chịu ảnh hưởng bởi các biến động của thị trường, của nền kinh tế nhiều hơn. Thực tế cho thấy trong thời gian qua do các ngân hàng thương mại chạy đua mở rộng thị trường tín dụng nên đã thông thoáng hơn trong việc thẩm định các dự án vay vốn, trong khi đó khả năng quản lý, khả năng kiểm soát chất lượng tín dụng của các ngân hàng chưa cao, khả năng phân tích và thẩm định dự án của cán bộ tín dụng còn hạn chế, quản lý rủi ro còn kém, đã làm cho các món cho vay có nhiều rủi ro hơn, và làm giảm hiệu quả sử dụng đồng vốn, tăng tỷ lệ nợ quá hạn và gây ra nguy cơ rủi ro về mặt hệ thống đặc biệt là khi các ngân hàng thương mại nhà nước vẫn chiếm thị phần lớn cho vay và huy động vốn.

Hơn nữa, kết quả hệ số ước lượng được của biến NPL (nợ quá hạn/ tổng dư nợ cho vay) là âm và có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Hệ số này là một trong những hệ số ước lượng được có ảnh hưởng khá lớn đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng, điều này cho ta thấy rằng nếu các ngân hàng sử dụng không tốt nguồn vốn huy động được và cho vay chạy theo doanh số thì nguy cơ nợ xấu sẽ tăng và làm giảm hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng. Như vậy, để có thể nâng cao hiệu quả kinh doanh của mình trong thời gian tới các ngân hàng thương mại cần nâng cao hiệu quả sử dụng một đồng vốn huy động bằng cách thiết lập quy trình nghiệp vụ cho vay đồng bộ, hạn chế thấp nhất khả năng rủi ro; nâng cao năng lực quản trị rủi ro đối với đội ngũ cán bộ quản trị, điều hành các cấp, đặc biệt là nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ tín dụng; đồng thời đưa các công cụ kiểm soát rủi ro của ngân hàng hiện đại vào quản trị nghiệp vụ tín dụng, cần phân tách các chức năng định giá tài sản, thẩm định và tiếp xúc khách hàng thành các bộ phận độc lập để giảm thiểu rủi ro đạo đức trong hoạt động tín dụng; xây dựng sổ tay tín dụng; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khách hàng, xếp hạng tín dụng khách hàng nhằm tạo ra được một hệ thống thông tin mang tính chất cảnh báo sớm, đồng thời các ngân hàng cần phải đưa ra được các kế hoạch tăng trưởng tín dụng trong năm và bám sát thực hiện theo kế hoạch này chứ không nên chạy theo doanh số cho vay.

Hệ số của tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng tài sản có (ETA) ước lượng được có tác động dương tới hiệu quả kỹ thuật ở mức ý nghĩa 5%, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng của biến này đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng là không lớn. Ảnh hưởng của ETA đến hiệu quả kỹ

thuật là nhỏ vì vốn tự có của các ngân hàng thương mại được xem xét trong thời kỳ nghiên cứu còn nhỏ so với quy mô tài sản đặc biệt là đối với các ngân hàng thương mại nhà nước, khi các ngân hàng thương mại nhà nước được đánh giá là những ngân hàng có tổng tài sản, thị phần thị trường tiền gửi (68%) và cho vay (71%) lớn nhưng vốn không ghi sổ chiếm 1/3 số vốn điều lệ của các ngân hàng này, tỷ lệ an toàn vốn được duy trì dưới mức cho phép, khả năng bổ sung vốn tự có bị hạn chế, do vậy nếu phân loại và tính đủ dự phòng theo tiêu chuẩn kế toán và thông lệ quốc tế thì phần lớn các ngân hàng thương mại nhà nước không còn vốn tự có hoặc vốn tự có âm. Kết quả này gợi ý cho chúng ta thấy trong ngắn hạn các ngân hàng có thể tăng vốn để tăng năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh, nhưng việc tăng vốn của các ngân hàng cần thận trọng, vì tăng vốn chủ sở hữu không phải là phương thức hữu hiệu nhất để làm tăng hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng nếu các ngân hàng tăng vốn đang hoạt động trong điều kiện hiệu suất giảm theo quy mô. Tuy nhiên, đối với những ngân hàng có tỷ lệ an toàn vốn nhỏ hơn 8% theo chuẩn quốc tế, thì có thể tăng vốn trước mắt nhằm tăng khả năng thanh khoản, chất lượng tài sản và đảm bảo cho các ngân hàng này phát triển ổn định và dần dần tăng thị phần góp phần cải thiện được hiệu quả hoạt động. Còn đối với những ngân hàng có tỷ lệ vốn chủ sở hữu/tổng tài sản quá lớn thì việc tăng vốn chủ sở hữu là không cần thiết bởi vì vốn chủ sở hữu càng tăng thì hiệu quả kinh doanh chưa chắc đã tăng nếu các ngân hàng này đang đối mặt với hiệu suất giảm theo quy mô.

Với độ tin cậy bằng 95%, biến rủi ro tín dụng LLR có tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê đối với hiệu quả kinh doanh ngân hàng. Khi rủi ro tín dụng tăng lên (các khoản nợ xấu tăng), ngân hàng phải bỏ thêm nhiều khoản chi phí liên quan đến việc giải quyết các khoản nợ xấu này. Các chi phí tăng thêm bao gồm: chi phí để tăng cường giám sát những khách hàng vay quá hạn và các tài sản thế chấp của họ; chi phí phân tích và dàn xếp (thỏa thuận) với khách hàng về các khoản vay này; chi phí duy trì và xử lý tài sản đảm bảo; chi phí liên quan đến việc bảo vệ danh tiếng và sự an toàn của ngân hàng đối với các cơ quan quản lý và thị trường tài chính; chi phí tăng thêm để đảm bảo chất lượng của các khoản cho vay khác. Việc gia tăng các chi phí này làm cho rủi ro tín dụng có thể trở thành một nguyên nhân làm giảm hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Ở một khía cạnh khác, khi rủi ro tín dụng tăng lên do các điều kiện kinh tế bất lợi nằm ngoài khả năng kiểm soát của ngân hàng thì ngân hàng sẽ phải bỏ thêm chi phí để khắc phục những hậu quả do các khoản nợ đó mang lại.

Các hệ số của các biến thời gian Y02, Y03, Y04, Y05, Y06, Y07 và Y08 được đưa vào mô hình để xem xét những thay đổi của môi trường vĩ mô, cũng như những thay đổi của công nghệ sản xuất, ước lượng được đều có dấu dương và có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy 95%. Tuy các hệ số này nhỏ nhưng đều có xu hướng tăng theo thời gian, như vậy phần nào

cũng cho thấy những cải thiện trong môi trường vĩ mô ở Việt Nam trong thời gian qua đã tạo ra những nhân tố thuận lợi cho hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam hay có thể nói những công cụ được sử dụng trong điều hành và quản lý của Chính phủ, NHNN đối với khu vực tài chính đã ngày càng mang tính chất thị trường hơn. Đồng thời các hệ số này còn phản ánh sự thay đổi tiến bộ công nghệ trong ngành ngân hàng ở thời kỳ nghiên cứu, tiến bộ công nghệ đã góp phần làm tăng hiệu quả hoạt động của các ngân hàng, tuy nhiên những tác động của tiến bộ công nghệ này vẫn còn nhiều hạn chế. Như vậy, để tiếp tục có thể cải thiện được hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại thì (i) NHNN cần tiếp tục giảm thiểu các công cụ can thiệp mang tính chất hành chính, áp dụng các thông lệ quốc tế trong kiểm tra, giám sát hoạt động của các ngân hàng thương mại. (ii) Đẩy mạnh khai thác công nghệ hiện có một cách có hiệu quả, bổ sung có chọn lọc các công nghệ mới phù hợp với điều kiện phát triển của nền kinh tế. Đồng thời, không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ, nắm bắt và sử dụng thành thạo công nghệ ngân hàng đã được trang bị cho nguồn nhân lực hiện tại của ngân hàng.

Qua phân tích trên cho thấy trong thời gian tới để nâng cao hiệu kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam thì cần phải giảm thiểu rủi ro thanh khoản, tăng cường năng lực của cán bộ quản lý, cán bộ tín dụng, sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn để thực hiện tài trợ cho các dự án đầu tư dài hạn một cách hợp lý hơn, giảm tỷ trọng cho vay đối với những doanh nghiệp đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhà nước không có khả năng tài chính, làm ăn thua lỗ, tiếp tục tăng cường và đa dạng hóa đối tượng cho vay như hộ gia đình, cá nhân các doanh nghiệp vừa và nhỏ, xử lý nợ xấu, chứng khoán hóa nợ xấu và phát triển thị trường mua bán nợ. Tăng cường khai thác các hoạt động dịch vụ hiện có và cung cấp các dịch vụ mới nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Hoàn tất quá trình cổ phần hóa các ngân hàng thương mại nhà nước để tạo ra những nhân tố mới đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trường tài chính.

CHƯƠNG 5**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM****5.1. Định hướng đối với hiệu quả hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam**

5.1.1. Quan điểm và định hướng của Đảng và Nhà nước đối với sự phát triển NHTM Việt Nam

5.1.2. Định hướng nâng cao hiệu quả kinh doanh của NHTM Việt Nam

5.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các ngân hàng TMCP Việt Nam

5.2.1. Giải pháp từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

5.2.2. Giải pháp từ phía Ngân hàng thương mại

5.3. Kiến nghị về việc hỗ trợ các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngân hàng TMCP Việt Nam

5.3.1. Đối với Ngân hàng thương mại

5.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

KẾT LUẬN

Nghiên cứu với đề tài: "*Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam*" đã tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn đánh giá hiệu quả kinh doanh của 30 ngân hàng TMCP Việt Nam. Trên cơ sở phân tích định tính kết hợp với phân tích định lượng trong việc đánh giá hiệu quả và xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của ngân hàng, để từ đó nghiên cứu có thể đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng TMCP hiện nay ở Việt Nam cho phù hợp với yêu cầu đổi mới và đòi hỏi của xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Trong việc đánh giá thực trạng hiệu quả kinh doanh của ngân hàng TMCP Việt Nam, đề tài không chỉ dừng lại ở phân tích định tính mà đã mạnh dạn sử dụng phương pháp phân tích định lượng vào nghiên cứu, đó là phương pháp phân tích biên ngẫu nhiên (SFA) và phương pháp phi tham số (DEA) trong việc đo lường hiệu quả và sử dụng mô hình Tobit vào phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của 30 ngân hàng TMCP Việt Nam thời kỳ 2009-2016.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nghiên cứu cho thấy có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam như: SIZE, GOV, ETA, Y01-Y08. Các yếu tố này đều có tác động tích cực tới hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam. Còn LOANTA, NPL và LLR lại có tác động ngược chiều với hiệu quả kỹ thuật.

Từ thực trạng nghiên cứu, kết hợp với mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam trong thời gian tới, nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường vai trò của các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng TMCP Việt Nam như: (1) Các giải pháp từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước như tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật tạo hành lang pháp lý có hiệu lực; Nâng cao năng lực quản lý điều hành; Xây dựng chiến lược phát triển công nghệ ngân hàng; Giảm thiểu những can thiệp bằng hành chính trong việc quản lý các ngân hàng thương mại; Chứng khoán hóa nợ xấu; Phát triển thị trường mua bán nợ,.....và đây thực sự là nhóm giải pháp mang tính chất tiền đề bảo đảm cho các ngân hàng thực hiện thành công nhóm giải pháp từ nội bộ của chính các ngân hàng TMCP (2) Nhóm giải pháp từ phía các ngân hàng thương mại như nâng cao năng lực tài chính; Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng; Xây dựng chiến lược khách hàng; Nâng cao năng lực quản trị điều hành; Nâng cao chất lượng lao động; Hoàn thiện phương pháp đánh giá hiệu quả ngân hàng; Tăng cường xử lý nợ xấu.